

## LAIQUANGNAM

# BÀI CHÒI (BỘ BÀI TỐI)

## Phần I – Tổng quan

**M**ột trong các thói hư tật xấu của người Việt khó bỏ xuất phát từ những người trong đầu có chút chữ Hán là cố tật “van vái tứ phương”, đội Hán và vọng Hán. Người thất học ngày xưa không được đi học chữ Hán nên không thể nào ra làm quan ăn trên ngồi trước được, nên thấy ai biết chút chữ nghĩa thì lòng thán phục lắm, có khi sợ nữa là khác. Người bình dân ấy đâu biết rằng một ngày làm việc của họ có khi là một tháng lương tích lũy của một vì quan thanh liêm. Gánh nước thì khỏi bồng em. Người ít học đôi khi suy nghĩ và quy Hán thì chúng ta không nói làm gì, bởi ảnh hưởng của họ ít tác hại với quần chúng, lời nói gió bay. Giới được cha mẹ cho ăn học tử tế thì không vậy. Tầm tác hại của họ lớn hơn nhiều, bởi họ dùng văn tự, dùng uy tín cá nhân với đám người bình dân có khi là phu dân của họ. Họ nói điều càn rỡ xúc phạm đến tiền nhân ta, một khi đầu mình đội Hán quá nặng, tội ác tăng dần theo, tỉ lệ với số sách vở mà họ đã đọc được từ nguồn Hán tộc mà chính họ có khi không hiểu cội nguồn. Với chúng ta đôi khi còn dùng lại tự hỏi đúng sai, với bọn họ nhắm mắt, 100 % tuyệt đúng. Từ cái đầu “mít đặc” đó họ không còn niềm tin vào trí năng của tiền nhân mình. Hề dân tộc Lạc Việt này có vật phẩm gì khiến văn hoá Việt nổi trội mang tầm nhân loại là lập tức có "Người được mẹ cha cho ăn học" /ndmccah./ viết “ bên Tàu đã từng có như thế rồi “, hàm nghĩa rằng Dân tộc ta đang ăn cắp ý tưởng từ Tàu. Tại sao họ không dám nói rõ điều này nếu như họ tin tưởng lập luận của mình đúng? Tại sao phải ẩn dụ câu phỉ báng tiền nhân mình bằng cách lý luận hờ đầu lòi đuôi như thế, “ ám ớ, do vì dẫn dụ sai “ trong lập luận của mình? Họ hèn! Xin cứ nói thẳng điều mà ta suy nghĩ nếu như ta tin ta đúng. Ngày nay thế hệ 1, 5 đòi hỏi mọi việc phải rạch ròi. Của Caesar trả lại cho Caesar. Dân tộc Việt không có gì phải xấu hổ. Vay mượn về văn hoá là chuyện rất đổi bình thường khi mà hiện tượng thế giới phẳng nay đang được phổ cập. "Người được mẹ cha cho ăn học" bằng các lập luận giấy trắng mực đen, moi từ góc kẹt trong kho tàng văn minh Tàu, họ nêu người Tàu đã viết trong sách A, B, C rồi, thậm chí

họ viện dẫn ông X, ông Y người Anh, người Mỹ, người Pháp; thấy Tàu chưa thiêng, phải có có cánh Pháp Mỹ kê vào mới thiêng? Họ dùng sách XYZ để củng cố lập luận của mình. Cách làm này tưởng đúng nhưng lại trật bởi chính tác giả Phương Tây kia đã không hiểu rõ nền văn minh của dân tộc Lạc Việt. Thêm vào đó là lập luận họ suy diễn tối hù, dẫn dụ lũng bùng, thật xa, có khi vô cùng “ méo mó “ của chính họ nữa. Người đọc bài viết của họ có khi rối như tơ vò vì không sao phân biệt được đâu là câu nói của ai, và đâu là lời nói của chính tác giả bài viết “ bêu rếu “ đó. Trước bối cảnh ấy, một khi dù lòng rất muốn bảo vệ di sản tiền nhân mình thì nhiều người Việt đành ú ớ do vì chính mình không tìm được bằng chứng khả dĩ thuyết phục được người đọc để mong tìm nơi họ một sự ủng hộ, người Việt có tâm đành bỏ cuộc. Vì sao? Một là vì họ khớp kiến thức tầm chương trích cú của đám kia, hai là quá tốn thì giờ. Ngày nay những lý luận bằng lối văn “ biền ngẫu “ làm rơi lệ người Việt nhưng không có data của người Việt Có Tâm này thật khó lòng thuyết phục được độc giả, nếu độc giả đó là một người Việt 1,5 hay một người Tàu lai, cha Tàu mẹ Việt, hay một người Âu Mỹ xưa nay quen luận lý thuần lý, quen nói có sách mách có chứng. Ngày nay chúng ta thừa hưởng một đất nước mà trong đó người Tàu đã dã tâm phá banh, dã tâm quét thật sạch văn hóa cội nguồn Lạc Việt từ thời Hán kéo qua Thời Minh một cách kiên trì. Trước người Tàu Hán phá không sạch thì nay có đám hậu duệ ConTàuLai 50/50 trên đất nước này tiếp tay khiến người Việt tứ bề thọ địch khi đọc lại văn hoá dân tộc mình với những lập luận có thể thuyết phục được người. (1)

Xin tạm dừng lại tại đoạn (1) này

Gần mười năm trước, có người thuộc lớp đàn anh của tôi là anh Đặng Tiến, từ lâu anh đã nổi tiếng là nhà viết Văn Học Sử hàng đầu của nước ta vào cuối thế kỷ thứ 20, anh đã viết cho tôi các dòng này:

*DT gửi LQN:*

*Y ddinh của anh viet ve^Bai Choi, giai thich te^n cac con bai theo he^tho^ng,la rat hay va ddoc ddao.*

*Vo Phien dda dat van dde^nay, nhu+ng chu+a giai quyet.( Nguyet san Ta^n Van,Saigon, so 1 thang 4- 1968. Co in lai trong Toan Tap, My,cuon Tap But, 1989, tr277.Anh cho biet ddia chi, toi se photocpy gui.*

*Ngoai ra Nguyen van Xuan co viet, so+ luot, Tren Nguyet San Va(n, so 2, thang 12-*

1967. Quach Tan, co ban to+i , trong Nuoc Non Binh Ddinh, Saigon, 1967, tr 444. \*\*\*\*

Nhieu ban ca^ n hung tham chieu nay, nen to i man phep chuyen dden nhieu  
nguo i. Chuc Anh, va ca nuoc Quang Nam Quoc, mot cuoi tuan vui.

Tha^ n, va lu bu nhieu chuyen,

DT

Laiquangnam chuyển về unicode:

Đặng Tiến gửi laiquangnam

Ý định của anh viết về Bài Chòi, giải thích tên các con bài theo hệ thống rất là hay và  
độc đáo.

Võ Phiến đã đặt vấn đề này, nhưng chưa giải quyết ( Nguyệt san Tân văn, SAIGON,  
số 1 tháng 4-1968 có in lại trong Toàn Tập, Mỹ, cuốn Tạp Bút, 1989, trang 227. Anh  
cho biết địa chỉ, tôi sẽ photocopy gửi. Ngoài ra Nguyễn Văn Xuân có viết sơ lược trên  
NGUYỆT SAN VĂN số 2, tháng 12 năm 1967. Quách Tấn có bàn tới trong Nước Non  
Bình Định, Saigon, 1967, trang 444.

Nhiều bạn cần tham chiếu này nên tôi mạn phép chuyển đến nhiều người. Chúc anh,  
và cả nước Quảng Nam Quốc, một cuối tuần vui .

Thân và lu bu nhiều chuyện,

ĐT.

Thành thật khai báo cùng ông anh kính yêu của mình.

Lúc ấy 2006, laiquangnam nghĩ mình không đủ sức hiểu hết các ẩn dụ trong cổ Bài  
Chòi, bộ Bài Tới củ□ tiền nhân; nghĩ rằng sự phân tích mình còn ú ớ, không làm s□□  
chống đỡ nổi lý lẽ của các kẻ Vọng Hán, đội Hán đưa ra lập luận VanVáiTứ Phương.  
Vào lúc ấy các tên gọi từ trên con bài quá kin kẻ, ví dụ: con bài **Tuyệt**, tại sao lại có sự  
chuyển biến thành tên gọi là **Bạch huê** như thế?, hoặc từ **Đấu**, tên trên con bài **Đấu**  
chuyển biến tên gọi thành **Nhì Bí**, liệu có mối quan hệ gì giữa chúng với nhau không?  
và còn nhiều điều phải được tìm hiểu cần thấu đáo hơn không? Nay quỹ thời gian đã  
gần cạn, lúc này không nói ra, đợi đến lúc hoàn hảo thì biết đến bao giờ?! 60 tính từng  
năm, 70 tính từng tháng, 80 tính từng giờ! Chỉ mong việc làm của mình mang tâm thức  
tự phát của một sĩ quan đê lô sẽ là động cơ khiến cho AiĐó động tâm và cùng tiếp tục.  
Trong văn học Việt Nam hiện nay còn quá nhiều điều cần phải được giải mã, cần được  
làm sáng tỏ. Hãy trả về cho lịch sử những gì mà tiền nhân chúng ta đã “kín đáo gói  
vào đó lời dạy khôn dại “ cho thế hệ mai sau. Mong rằng Người Việt hải ngoại hôm nay

sẽ là Tổ bốn đời, tổ năm đời .... củ□ các hộ□ d□ệ 1,5 ; 1,7 ....1,9999 của mình sẽ để lại chút gì cho cháu chắt của mình có chút lặn lợng. Cám ơn ông anh của mình vô cùng.  
Kính.

**Laiquangnam.**

Nay xin quay trở lại chủ đề chính, bộ Bài Tới.

Bộ Bài Tới vốn là di sản mang dấu ấn của tiền nhân ta. Một di sản ở tầm cao mang tính nhân văn của nhân loại cũng không khỏi bị nạn. Người vận động được sự ủy nhiệm của chính phủ Việt Nam đương thời đứng tên xin UNESCO chấp nhận nó là di sản Văn hoá Thế giới cũng chỉ dám xin chung chung, xin cho Trò Chơi Bài Chòi được công nhận. Trò Chơi Bài Chòi gồm các thuộc tính hát hò, cách chơi bài đặc trưng, lời hô thai tiêu tiêu nặng về khía cạnh âm thanh, âm nhạc, làm sao mà so sánh nổi cái hồn, cái tinh hoa cùng nét nhân bản trong khi phác họa tính nhân loại và nữ quyền của dân tộc mình đi trước thế giới Phương Tây hàng vài thế kỷ đã thể hiện mình trong bộ Bài Tới. Bộ Bài Tới là gì ? Đó là hệ thống tư tưởng “khó hình dung nổi “ của một nước ở châu Á đã bị hiểu lầm rằng “dường như” họ chịu ảnh hưởng nặng nề của văn minh Trung Hoa, nay lộ rõ bản sắc mình xuyên qua bộ tranh hội họa kỳ ảo. Ngôn ngữ hội họa mới là ngôn ngữ chung của nhân loại thì các chuyên gia văn hoá trong nước lại không dám đề cập. Tại sao? Xin mời đọc câu sau đây do Sở Khoa học công nghiệp tỉnh Bình Định ngày nay viết :  
“..ngược lại đánh bài chòi là hoàn toàn của người Bình Định, người Việt Nam, do người Việt Nam nghĩ ra, không chịu ảnh hưởng nước ngoài nhiều, song cũng phải thừa nhận đã tiếp thu có chọn lọc của loại hình bài diệp tử mã điều và toàn đồ ”<http://skhcnbinhdinh.gov.vn/?p=2705>.

Tại sao Sở KHCHN này lại cạm nghĩ như thế? Rằng ai ăn cắp của ai. Phải gọi là ăn cắp mới đúng tính chất nghiêm trọng của vấn đề. Bởi vì đâu đây có các bài viết cho là “di sản này ” ta bắt chước của Tàu. Vì sao? Rõ ràng nhất từ hai bài viết. Một của Huỳnh Ngọc Trảng và một của bsi Lê Văn Lân, Người Việt hải ngoại.

Bài của Huỳnh Ngọc Trảng được nhiều nguồn trích dẫn đang lại, trong đó có trang báo Tuổi Trẻ, và có lẽ SKHCHN tỉnh Bình định đã khớp từ bài viết này? Cho đến bây giờ, 2005, tại Việt Nam vẫn có người nay đang là giáo sư tiến sĩ môn Văn học dân gian vẫn còn phân tuyền Văn Vạn Sách, một cách phân

hạng mục xuất hiện từ Võ Phiến khi dựa vào bộ bài “tổ tôm” trên đất Bắc?. Bài viết của Võ Phiến vào năm 1968 tại miền nam Việt Nam như anh Đặng Tiến đã ghi lại. Bài của Võ Phiến bây giờ có thể truy cập dễ dàng tại link: bài Võ Phiến bạn có thể đọc lại link: <http://www.gocnhin.net/cgi-bin/viewitem.pl?4775>

### **Bạn sẽ làm gì khi gặp bối cảnh như thế?**

Cái gì của Caesar trả lại cho Caesar. Bạn OK?

\*\*\*\*

### **I- Vài thuật ngữ bạn cần biết.**

Bộ Bài Tới là công cụ chính của Trò chơi Bài Chòi.

Trò chơi Bài Chòi là tập hợp gồm bốn yếu tố xảy ra cùng một lúc tại không gian chơi

1- một là, trò chơi tập thể xảy ra công khai trong một cái chòi. Chòi là nhà cất vôi dùng tạm. Chòi nay được hiểu có thể là đình làng, là nhà công cộng đông người.

Chòi có thể được hiểu là chỗ ngồi đủ rộng cho một thành viên chơi bài với số đông người, t□□ họ chỉ là một t□□ chơi; h□□ chòi là không gian là tập hợp của 10 tay chơi gồm cả nhà cái lẫn người xem. Tùy. Bạn có tìm hiểu thêm qua Google search khi gõ từ khóa “bài Chòi”

2- hai là, phải có một cỗ bài đặc trưng thuần chất Việt, đó là bộ Bài Tới, hay còn gọi là bài Trùng gồm 60 lá bài với ba mươi hình vẽ ẩn dụ, hình vẽ được thể hiện bằng một thứ ngôn ngữ hội họa đặc trưng văn hoá Lạc Việt, mang tính nhân loại.

3- ba là, phải có dàn trống, kèn hỗ trợ lời hô thai, tức lời hát xướng tên lá bài qua các câu văn vần, tiêu tiểu, có khi dung tục.

4- phải có người hoạt náo linh hoạt, gọi là anh Hiệu cùng một ban bộ tổ chức.

Để tổ chức được một buổi bài chòi thành công cần các bước chuẩn bị kỹ lưỡng, cần có tài chính. Đó là lý do tại Quảng Nam quê tôi, bài Chòi được tổ

chức vào các ngày đầu xuân. Ăn tết dài ngày, đồng quê Việt Nam dạo ấy sống bằng nền kinh tế nông nghiệp, lúa nước.

### **Và thêm vài thuật ngữ khác:**

- Đừng nói : Đánh bài chòi mà nói Đánh bài tới, Đánh bài trùng.
- Bạn có thể nói: chơi bài chòi, chơi bài tới. Từ “ Chơi “ xin hiểu lẹ là từ " Play " trong Anh ngữ. Bạn vào mạng tra cho lẹ.
- Xin nói đúng: hát bài chòi, đi nghe hát / hô bài chòi, đi coi bài chòi.
- Hô/hát bài chòi có nghĩa là hô thai câu có vần điệu về một lá bài chòi nào đó.
- Đi nghe Hát Bài Chòi: Từ này xin hiểu theo từng địa phương, từng thời điểm. Tại Bình Định có lối hát Bài Chòi rất đặc trưng. Có lẽ trên đường hành quân ngày xưa, nghĩa quân Tây Sơn đã dùng lối hát này trên đường hành quân dưới thời vua Quang Trung chẳng? Chính lối hát nhạt khoan vui tươi, âm điệu dồn dập khiến cho lòng binh sĩ thêm hưng phấn, quên đường xa. Thời ấy đạo quân Quảng Nam dưới sự điều binh của danh tướng Trần Quang Diệu tham gia rất khí thế. Họ đánh trận như chẻ tre. Khí thế này mất khi danh tướng Nguyễn Huệ đột ngột ra đi vào lúc 32 tuổi. Tiếp đến khi bên nhà vợ lớn của Quang Trung can thiệp thô bạo vào việc triều đình thì nhuệ khí Tây Sơn sa sút hẳn. Mười năm sau thì họ tan hàng. Đáng tiếc. Nếu không, dòng lịch sử Bài Chòi đã chuyển sang một khúc quanh sâu sắc hơn không chừng!.
- Hát Bài Chòi tại Bình Định là lối hát có tuồng tích. Tuồng ta tuồng Tàu. Thế hệ người Quảng Nam tại miền Nam Việt Nam, thuộc lớp chúng tôi sinh thập niên 40, có lẽ không mấy ai biết về lối hát này. Đa phần họ chỉ biết hát Bài Chòi là hát các câu hô thai theo từng lá bài mà thôi.

Nghệ thuật hát Bài Chòi được các giới nghệ sĩ người gốc Bình Định mang ra Bắc sau năm 1954, họ đã xây dựng và hoàn thiện bộ môn hát Bài Chòi tại đó. Sau năm 75 nó được mang trở lại vùng đất Đàng Trong cũ, gồm Nam Ngãi Bình Phú và vài địa phương khác mà tôi thật sự không biết hết. Bạn có thể tìm trên Google search. Vậy hô thai bài Chòi (Bộ Bài Tới) liên quan đến độ tồn vong của trò chơi dân gian này, nhưng lối hát bài Chòi Bình Định mà bạn tìm gặp qua youtube lại thuộc một phạm trù khác và hiểu về nội hàm bộ bài tới thì hầu như đội Hán nặng nề như đã dẫn ở trên.

## II -Cội nguồn xuất phát.

Tiền nhân ta người Đàng Ngoài tự hỏi tại sao có sự lặp đi lặp lại mãi trên vùng đất văn vật này những điều bất an? Gạt nước mắt, lòng đầy quyết tâm giúp họ có thể bỏ lại phía sau sản nghiệp cùng mồ mả ông bà để dẫn cả gia đình vào Nam. Đoàn người theo chúa Nguyễn Hoàng bỏ miền Bắc vượt đèo Ngang vào Nam, họ không quên mang theo những kinh nghiệm sống cay đắng từ nơi chôn nhau cắt rốn. Tại vùng quê hương mới, nơi đây họ kỳ vọng mọi việc sẽ được cải thiện. Một quyết định đầy khó khăn và đầy cao vọng. Họ bắt đầu làm lại từ đầu với hai bàn tay không. Lịch sử cho thấy họ là những người khôn ngoan nhất bởi qua bàn tay họ, bởi những thành quả mà họ đạt được trong thời kỳ đầu dựng nước vào đầu thế kỷ 17. Vậy xã hội Đàng Trong vốn do từ những rường cột ban đầu là người Đàng Ngoài dựng nên. Người ra đi hầu như không có mấy ai trong số họ đỗ cử nhân, Tư HƯƠNG, nghĩa là dân đội Hán rất ít. Con cháu họ quả thật được hưởng hơn 150 năm sau đó trong cảnh thái bình. Họ đã làm được điều “ biến việc không thể thành có thể. “ Nhờ đâu? Có thể so với xã hội cũ Đàng Ngoài họ ít bị nhiễm bản văn hóa Tàu ít hơn không?

## III -Người Đàng Trong ngày ấy là ai?

Lần qua dòng lịch sử dân tộc, năm 40 SCN, Mã Viện thời Hán đã làm cỏ nước ta. Người Việt gốc chạy vào vùng Thanh Nghệ Tĩnh bởi họ không muốn ra làm quan Bờm cho Tàu. Đến thời Lê Mạc Trịnh, họ chạy vào Nam. Tại miền đất mới này họ đã chọn giải pháp dùng bộ bài tới vẽ chân dung quan Bờm. Bài ca thề Bờm Có Cái Q quạt Mo đã để lại hai nét vẽ. Một là, trên đám con trai được mẹ cha cho đi học chữ Tàu, là đầu phải đội Hán. Âm Hán này và háng( hán+g) này dân Trung eo đều đọc như nhau, kể cả dân Nam bộ bây giờ. Biểu trưng là trên đầu bọn ấy có chữ Hán. Chữ Hán ấy là gì ? Ý nghĩa ra sao? Rất ồ ạt. Ồ ạt trong ngôn ngữ Trung eo nghĩa là xấu hổ quá. Chữ Hán ấy lấy âm là “điền kiến”. Chữ Hán chép không đầy lá mít, mà học đòi nói chữ! Điền, âm điền chỉ người, [ 佃, ] làm ruộng, khác nhau với ruộng 田, điền thổ, là có bộ nhân đứng gá thêm và 見, kiến là kiến văn, kiến thức. Điền kiến, 田見, lấy âm, là kiến thức của một gã nông dân. Từ nông dân được dùng ở

đây như tính từ, chỉ trạng thái tiêu cực, kẻ ít được học hành. Hai là, mặt anh luôn luôn có cái quạt mo che mặt, bởi thực tâm anh muốn che dấu cái khí cốt xấu xa của mình.

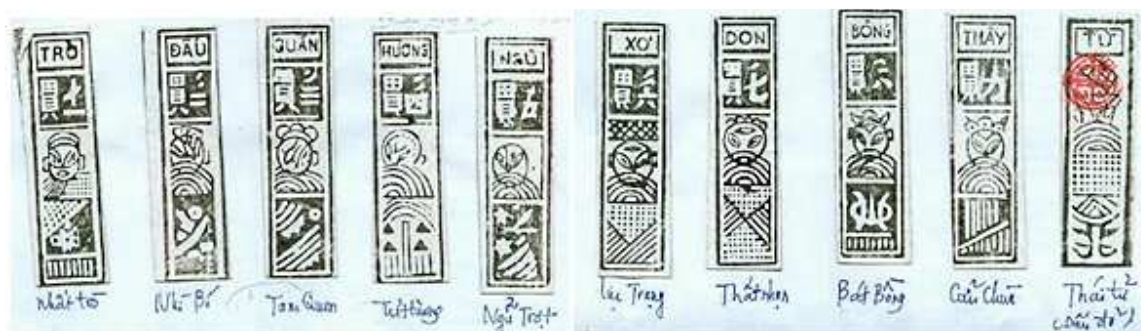
Mấy ai biết cái quạt mo trên đất Bắc trong bài ThăngBờmCóCáiQuạtMo. Nay tại làng Trong, hình vẽ được thống nhất che mặt cho toàn đám Quan Bờm lại phát xuất từ câu ca dao:

*Văn chương chữ nghĩa bề bề,  
Thần I. ám ảnh cũng mê mẩn người  
Xót lòng mẹ góa con cô  
Kiếm ăn lần hồi, I. lớn bằng mo (ca dao)*

Rõ ràng nhờ đội Hán, vọng Hán thì được họ sẽ được gần với Thần I. mà thôi. Kinh thiệt! Độ mỉa cay nghiệt của ông bà mình! Rõ ràng, Mo là hình tượng so sánh với L. Trong vết ngôn ngữ Việt ngày nay, nay còn thể hiện nơi người Huế. Một người đàn ông Huế khi chê trách một người đàn ông khác, có thể là một quan chức cấp cao, một thường bực khó ưa, cái thằng cha hay làm khó mình vô cớ, mặt mày chai cứng, họ gọi là "Thằng Mặt L.". Trong khi Quảng Nam quê tôi thì "nhìn cái bản mặt Bạch Huệ của thằng đó là khó ưa rồi!". Nghĩa là người đàn ông họ có bộ mặt mang là sân xi măng láng cóong!.

Quạt mo là dấu ấn của bài thăng Bờm khi bài ca này được hiểu dưới dạng phong dao thay vì đồng dao dành cho trẻ thơ. Trong tinh thần đồng dao của bài ca "thăngBờm Có CáiQuạtMo". Từ "Có" trong bài đồng dao là động từ chỉ việc "thủ trong tay mình, phần ấy là của mình". Khi bài thăngBờmCóCáiQuạtMo được hiểu trong tinh thần phong dao, có là giới từ, tỉ như "with" trong Anh ngữ, có khiến cụm từ "có cái quạt mo" là cụm từ thuộc tính bổ nghĩa cho thăng Bờm. Ngoài hai điều nhận dạng trên, tên cúng cơm mỗi lá bài là một sự định danh cho một nhân vật đang tồn tại trong xã hội Đại Việt thời đó. Tên mỗi lá bài trong nhóm đội Hán này, từ chớm thành quan bờm cho đến hiện thân là quan bờm, nói trại ra là "quan bợm". Bợm là lưu manh. Bọn quan bịp bợm. Vậy mỗi lá bài tự thân nó đã là một nối tiếp truyền thống thống nhất tư tưởng giữa hai miền Nam Bắc, Làng Ngoài và Làng Trong cho dù giữa họ đang thật sự có chiến tranh mất còn. Chiến tranh là vấn đề giữa hai nhà cầm quyền, văn hoá thống nhất là thuộc tính của nhân dân. Bạn xem 10 nhân vật có ăn học đội Hán mang mặt người.





Trong hình này có hai dấu hiệu mà người Việt ngày nay không mấy am tường. Chữ trên lá bài là tên người xưa đặt cho. Chữ viết tay của lai quang nam là tên dân gian.

**Ví dụ 1:** Một là, từ cổ như thể lá bài tới mang tên " **Đấu** " có nghĩa là gì? Vậy mà người phụ nữ Đàng Trong gọi đúng ý tiên nhân là anh " **Nhì Bí** " mới tài tình làm sao! Từ khi tên dân gian Nhì Bí từ họ mà ra, khiến cho nhân vật này trở nên dễ hiểu vô cùng. Đấu là một từ cổ. Sao Đấu, sao Đấu, là chùm sao trong nhị thập bát tú. Sao ĐẤU có hình cái đấu để đong rượu, nhưng không dùng đong rượu hay đong lúa được. Hàm ý thấy tưởng chừng như có mà thực tế không sao sử dụng được. Tỉ như học chữ Hán lách nháp, học không tới nơi tới chốn có hại hơn là có lợi. Đôi khi mình phạm tội ngộ sát văn hoá dân tộc mình mà mình không hay. Đó là tâm trạng của người đi học còn chút tâm huyết, học để làm gì, phục vụ cho ai?

*Lỡ quan, lỡ lính, lỡ làng.*

*Lỡ hàng dân giả, lỡ hàng công khanh. ( cadao )*

**Ví dụ 2:** Tại sao tên **Hương**, Tư Hương nay lại có tên dân gian là "**Tứ Cẩng**"? Cách hiểu của người phụ nữ Đại Việt thời ấy khác với cách hiểu của một chú HIỆU hiểu theo tình huống mua vui hiện nay.

Ví dụ một câu Hồ thai biến tướng từ ca dao.

Ví dụ tình huống hiện tại của anh (chị) chạy Hiệu. Anh/chị ta đang rút ra từ trong ống tre một lá bài có tên là Tứ Cẩng (con bài HƯƠNG, tư Hương). Muốn cho người chơi đoán được lá bài trong tay mình đang có là lá bài gì,

anh HIỆU cố lồng vào câu hát của mình sao cho có từ “ tứ cẳng” càng tốt, hay ý văn độ chừng có thể am hiểu, hay đoán mò chừng 50/50 là Ok. Anh Hiếu đó nhớ câu ca dao này và hát.

*Có chồng từ thuở mười lăm.  
Chồng chê tôi nhỏ không nằm cùng tôi  
Đến chừng mười chín đôi mươi  
Tôi ngủ dưới đất chàng lúi lên giường  
Một rằng thương, hai rằng thương  
Có bốn cẳng giường gãy một còn ba! (Cadao) .*

H□□bạ□ hơn thì hát như và□

*Có chồng từ thuở mười lăm.  
Chồng chê tôi nhỏ không nằm cùng tôi  
Đến chừng mười chín đôi mươi  
Tôi ngủ dưới đất chàng lúi lên giường  
Một rằng thương, hai rằng thương*

==> Từ câu cuối *Có bốn cẳng giường gãy một còn ba!* ==> sẽ được hát là:

*“Chớ thương chi, thương chi mà HUNG RỬA ....  
Cho bốn cái cẳng giường... nó rung rinh!”*

Lời hát rất dung tục, chuyện ăn nằm nay được nói trước đám đông trước các bà ngoại, trước các cháu bé, không sao, ba ngày tết, vui là chính. Cười là liều thuốc bổ. Không ai lấy thế làm phiền mà lên mặt đạo đức Giáo Khoa Thư! Đừng lo. Xin mời các bạn cùng nghe lại đoạn rất ngắn Mp3, do laiquangnam ghi âm tại một đêm lửa trại tại Cù Lao Chàm do các anh chị văn công Quảng Nam quê tôi hát vào cuối thập niên 00, thuộc niên kỷ 2000, với sự tài trợ từ anh SANG, người Hà Mật-Thị Lai. Anh là một doanh nhân Quảng Nam thành đạt, thương hiệu của anh là dệt Phước Thịnh.

[baichoi-thaitu\\_tucang.mp3](http://baichoi-thaitu_tucang.mp3)

Trong câu hát ấy, Tư Hương, anh là ai ? Có phải anh ta là một người ham hố " ba cái ruồi bu nó khuấy ta " ? Tư Hương là tên một con bài, rằng một anh

học trò đã ” ba chân bốn cẳng ” học vội, học vàng để mong được đi làm quan. Anh đã đỗ kỳ thi Hương, hình vẽ có ghi lại trường thi năm xưa. Nay anh lận lưng cái bằng cử nhân và đang chờ vua phân bổ ra làm quan. Bạn có thấy bốn cái lều trại dưới tấm hình này nay lại trở thành bốn cái chân của cặp tình nhân, hay bốn cái ”chữ” giương nó rung rinh như dưới con mắt của người hô thai vừa hát qua câu hát?



lá bài tới tên là HƯƠNG, tư hương ==> tứ cẳng.

Bạn thấy đấy, do vì bốn lều dưới đấy lá bài trong trường thi nay trở thành bốn cái dấu chân người. Từ ”tứ cẳng” là vội vàng trong thành ngữ Quảng Nam, ba chân bốn cẳng, nay lại trở thành ”tứ cẳng” là số đếm, số chân của một cặp tình nhân. Tài tình ở cả người vẽ tranh, lẫn ở người đặt cho tên cúng cơm là HƯƠNG. Người phụ nữ

Đại Việt thời ấy tài hoa quá!

Câu hát ả rõ ràng không đúng với ý kiến củ tiền nhân, nhưng không s; bởi các Ngài dẫu có sống lại các ngài cũng cười trừ. Tôi hình dung các Ngài đứng xoa xoa hai bàn tay rồi nói, *”Xung quá tụi bây! Qua chịu! Qua ước gì dân tộc này của Qua luôn có tiếng cười như thế trong mọi gia đình thay vì giữ khuôn mặt đầy dăm chiêu ô nhục vì ”dung nhan dân tộc” ngày ngày đang bị bôi đen một cách dị hợm như hiện nay! Chính những lời như thế mà các lá bài của Qua còn tồn tại. Còn tồn tại là còn hiểu Qua. Sau các cuộc chiến tranh tàn phá tan hoang đất nước này không mấy ai quan tâm đến nó, chính cái vui này giữ nó tồn tại. Thôi Qua đi đây.”*

Tiền nhân ta gần gũi làm sao!

**Ví dụ 3:** Tại sao **Xơ** ==> mà lại có tên biển là **Trạng**; Tại sao **Dọn**?. **Dọn** là gì? ==>**Nhọn**. Tại QuảngNômQuốc thời ấy, người phụ nữ Quảng Nam quê tôi lại thấu hiểu và cho nó một tên dân gian là đầy ấn tượng như thế. Vì sao? Bởi bộ bài này xuất phát từ ý kiến của Chúa Hiền Vương (Nguyễn Phúc Tần). Ngài ra lệnh cho các quan hầu cận, và thỉnh cầu người họ Đoàn Đông Yên cố sáng tác giúp cho Bà mẹ kính yêu của mình có một thú vui tao nhã lúc về già. Mẹ ông là người họ Đoàn, người làng Đông Yên. Bà cần được vui sống cùng

với gia nhân theo hầu Bà khi Bà xa xứ Quảng. Giải trí cho bà là điều chúa Hiền quan tâm. Người phụ nữ thời ấy cần được mẹ ông truyền cho nhau nghe điều khôn dại từ suy nghĩ của mình. Là nữ nhi, họ có miệng cũng như không, bởi sự điều hành đất nước thuộc về cánh đàn ông. Bởi thế đại diện cho họ là lá bài chủ trong bộ Bài Tới, lá bài duy nhất, tuy không có con dấu đỏ của nhà vua ban cho, nhưng nàng là người có miệng ăn miệng nói, đồng dạng nhất, chẳng khác nhất trong ba mươi con bài. Nàng **TUYẾT** nói câu khí phách, “ nhân danh người trưởng thành tôi xin thừa cùng Thái tử, đó là ý nghĩa ba chữ Hán ghi kín đáo “Đinh khẩu bạch” [丁口白] ghi nhỏ trên đầu lá bài

**Tuyết** là từ Việt cổ nay còn vết trong câu thơ của Lê Thánh Tông.

*Cấp cầm con Tuyết tình cờ đến  
Bỏ nón chùi chân khặc khặc cười*  
( Hồng Đức Quốc Âm thi tập )

Lời hô thai như vậy :

*Tiếc thay cây mía ngọt lại sâu  
Tiếc con gái tốt mà cái bím bầu không lông*

( từ BS. Hồ Đắc Duy).



Từ “**Tuyết**” này trong hình là nhánh rong rêu mà biến thành từ **Bạch Huê** mới là lạ lắm. Ngoài từ Bạch Huê, không còn một từ nào hay hơn để diễn đạt một khổ nạn thứ nhất trong mười đại khổ nạn mà một đời người phụ nữ Đại Việt phải cam chịu. Khổ nạn này không tự họ gây ra mà là khuyết tật bẩm sinh trong cơ thể một số ít người phụ nữ Đại Việt do vì có gia cảnh nghèo, hay vì lúc mang thai, mẹ nàng đã trải qua những phút giây chịu đựng trong lo âu, hoặc từ sự suy sinh dưỡng ngay từ người mẹ lúc mang thai truyền sang thai nhi, nay chuyển sang thực tế bất hạnh vì cố tật đội Hán của gia đình nhà chồng, hay của chính anh chồng cà chớn bất tài chỉ có mỗi một tài là tài đồ thừa. Chuyện nhân sinh mười đại nạn người phụ nữ Đại Việt chúng ta cùng gặp nhau trong một bài khác trên trang website này. Nó cần một không gian lớn hơn để tâm tình.

Tạm gác chuyện nhân sinh khôn dại khi người phụ nữ Đại Việt muốn thừa cùng Thái tử.

Nay chúng ta tiếp tục với đám Quan Bờm này

Trong cổ bài có lá bài tên là **Dọn**. Đây là dấu vết của người gốc Quảng Trị. Ngày đó đất Quảng Trị là nơi đặt kinh thành đầu tiên của chúa Nguyễn Hoàng. Người Quảng Trị phát âm NH ==> D, gi. Ví dụ: họ nói: cái thằng nhỏ nhỏ, nhiều người trong họ nói như chim, cái thằng do dô. Rất đáng yêu. Người Quảng Nam hiểu ngay lập tức Dọn là Nhọn. Con bài nằm ở bậc thứ bảy. Bảy là thất. Một lá Bài Tới có tên là **Thất Nhọn** hình thành. Thất nhọn là gì? Thất nhọn là một Quan Bờm sau giai đoạn Lục Chạn. **Lục Trạng** trở thành viên Quan Bờm chuyên nghề bẻ cong công lý, ngậm máu phun người, kết án người vô tội, không tội đánh cho nhận tội, muốn khởi đòn roi thì phải chung chi, đút lót ... Đánh mới có tiền lặn lưng. Đó là cái nghề làm quan ăn cướp. Thất là tội ác đứng ở bậc thứ bảy.

### **Phân tuyến 60 lá bài trong bộ Bài Tới Quảng Nam.**

Đặc điểm từng tuyến:

**Tuyến I:** Là cánh phụ nữ, cánh cuối cùng của chính họ. Họ tự nghĩ về thân phận chính họ. Hình vẽ liên quan đến những gì mà người phụ nữ có và đàn ông thì không có, kể cả phần anatomy trực quan cơ quan sinh dục nữ như lá tứ tượng, dái doi chẳng hạn ..

**Tuyến II:** Là cánh đàn ông không được học hành, họ không thể nào lọt vào chốn quan trường đầy thủ đoạn như cánh III. Hình vẽ liên quan đến những gì mà người đàn ông có mà người phụ nữ không có.

**Tuyến III:** là thế giới học trò, nhờ cái học mà vào đời qua con đường quan lại, ăn trên ngồi trước với nhiều mưu mô thủ đoạn. Hình vẽ là Mặt người luôn có cái quạt mo che mặt.

Cột I Bậc cao dần	Tuyến I Phụ nữ	Tuyến II Đàn ông không được ăn học	Tuyến III Đàn ông được ăn học, ==> Quan Bờm
Bậc 1	Bạch Huê	Nhất Nọc, Nọc Thược	Nhất Trò

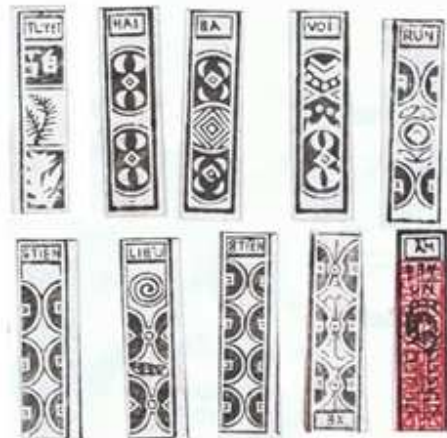
Bậc 2	Bánh/ Bành Hai	Nhì Nghèo	Nhì Bí
Bậc 3	Bánh / Bành Ba	Ba Gà	Tam Quăn
Bậc 4	Dái Doi/ Tứ tượng	Tứ dống/ Tứ nhóng	Tư Hương/ Tư Cẳng
Bậc 5	Năm Rún/ Đổ Ruột	Ngũ Đụm	Ngũ Trưa/ Ngũ Trọt
Bậc 6	Sáu Tiên	Sáu Hột	Lục Trạng
Bậc 7	Thất Liễu	Bảy thưa/ sưa	Thất Nhọn
Bậc 8	Tám Tiên	Tám Dây	Bát Bông
Bậc 9	Chín ghe/Chín xe	Chín Gói	Cửu Chùa
Bậc 10 (có đóng dấu đỏ)	Âm/ Âm	Đỏ mỏ	Thái Tử

Vài hình ảnh :



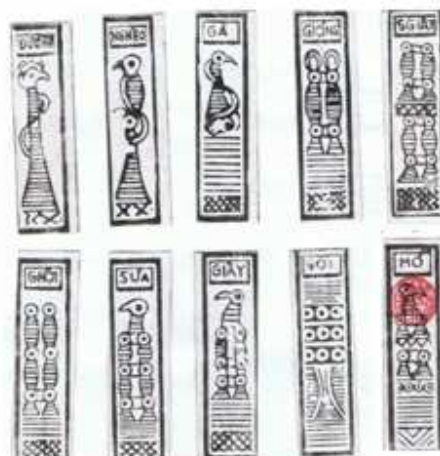
Tranh Bùi Xuân Phái

Tuyển I ,người phụ nữ



Bánh chưng cô để đó, chứ cái bánh dày /(bánh hai, bánh ba) cô để đâu?  
(AVT)

Tuyển II , đàn ông không được ăn học



Đượn /đượng là từ của người Đàng Trong, chỉ "Thẳng" tương/ bằng, ngay chừ!

Vài nơi như Phú Yên, gọi Chín gói là chín Q.

Hồ thai tầm bậy,

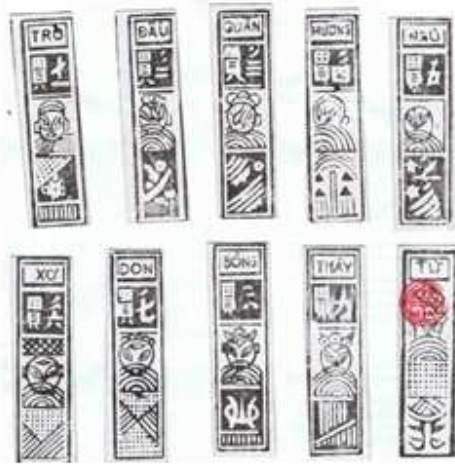
*Con Q ăn đậu ăn mè*

*Chứ ăn chi của chị chị đê Q tôi.*

Bậy hết sức, cho dù vui là chính.

**Chín gói** là lá bài chỉ điều hoạn nạn bậc chín mà người phụ nữ Đại Việt gặp phải khi họ vợ phải anh chồng thất học, không lo làm ăn, tối ngày chỉ mơ đến chuyện trăng hoa sàm sỡ với phụ nữ khác ngoài vợ mình. Gây khổ đau cho con cái bà. Cái anh chàng này đôi khi " là đại họa cho gia đình vợ". Anh ta thường khi thưởng cả cô em khi có điều kiện, nhất cô em được mẹ phái đến săn sóc cho chị mình lúc sinh nở.

Tuyển III , đàn ông được ăn học ==> Quan Bờm



Bài chòi của chúng ta còn lắm điều sâu xa, thâm trầm, bạn làm quen đôi nét như thế theo laiquangnam đã tạm đủ.

Nam California,  
*Tháng tư, 2015.*

**Laiquangnam**

---

**Chú thích :**

Ai nói từ "Thằng Mặt L\*.". Vào Da Màu, đọc bài của họa sĩ Trịnh Cung. Bất ngờ nhưng rất đáng yêu.

-----  
Kỳ tới:

**BàiChòi -Bộ Bài Tới,**

**Phần II. Cội nguồn sáng tạo: Người Việt.**

( Bọn Tàu chỉ là người ăn cắp ý tưởng của ta).



Gợi ý : bạn có thể dùng Google search các cụm từ “ bàiChòi, nguồn gốc “, bạn đọc trước các bài viết trên mạng, nhất là bài viết Huỳnh Ngọc Trảng để tiện theo dõi Phần II.

Cội nguồn bộ Bài Tới là của TA, 100% không sao tranh cãi được cho dù họ có viện dẫn Tây Tàu ...

## Laiquangnam

=====

**Dư âm bài viết :**

### **Câu chuyện bài chòi, bộ bài tới Quảng Nam**

Một người bạn học lớp, sau khi đọc bài này anh viết trên Facebook của mình như sau :

#### **ĐÊM RẼM PHỐ CỔ HỘI AN**

2 @ Trò Chơi Dân Gian Thuần Việt : ĐÁNH BÀI CHÒI & Hội Đánh Bài Chòi được tổ chức vào những đêm Lồng Đèn Sáng, trò chơi này đông vui vì sự hấp dẫn của người hô có giọng hát hay và lời ca dí dỏm. Trong đêm nay cô gái mặc áo màu đỏ đô thắt lưng vàng có giọng hô rất tuyệt. & Hoài Ngọc vừa đọc một bài viết về Đánh Bài Chòi của anh Laiquangnam Lai ,[http://art2all.net/tho/laiquangnam/lqn\\_baichoi\\_baitoi\\_phan1.htm](http://art2all.net/tho/laiquangnam/lqn_baichoi_baitoi_phan1.htm) một bài viết hay ,công phu nhưng anh không đề cập sâu đến trò chơi này ở Quảng Nam quê tôi. & Riêng ở quê tôi,làng Bảo An trong những năm tháng thanh bình từ sau 1954 đến trước 1963 mỗi lần Xuân về Tết đến đều có hội Đánh Bài Chùa mà tôi đã từng được vui chơi ở đó.Hội Bái Chùa ở làng tôi có ông Bảy Kiều ( ông Thảo ) hô hay nhất.

**và sau đây là câu trả lời của Laiquangnam:**

laiquangnam xin trả lời bạn

Cám ơn bạn hiền đã nhắc đến tên laiquangnam sau khi bạn hiền đọc bài của tôi.

Bạn hoài niệm về bài chòi tại xứ Gò Nổi gồm Bảo An, Phú Bông, Đông Bàn, Hà Mật, Thi Lai. Bạn trách tôi không viết về thú vui của bài chòi. Tôi nghĩ vào youtube bạn sẽ gặp các điều bạn muốn nghe biết.

Theo tôi, giá trị trong trò chơi bài chòi mà chỉ để ý đến hát hò, hô thai vui vui thì chúng ta chỉ làm trò chơi này nằm quanh quần ở miền Trung eo của mình mà thôi. Nó không vào sâu trong Nam được do vì người Việt mọi miền sẽ không thấy hết được giá trị hình vẽ ẩn dụ và tên gọi ba mươi lá bài. 30 lá bài có gì bí ẩn? Đây là ba mươi khuôn mặt hắc ám, gồm mười khuôn mặt phụ nữ Đại Việt khổ đau, và 20 thằng đàn ông làm khổ họ, nghĩa là làm khổ dân tộc này. Đó mới là một thông điệp mang tính nhân bản nhất thuộc tầm cỡ thế giới của dân tộc ta. Còn các câu hô thai?, giá trị gì? Nó chỉ khiến cho người ta cười tại chỗ mà thôi. Tụi tây nghe, họ không hiểu. Người miền Nam không nghe được tiếng Trung eo nên họ không cười nắc nẻ như ta. Nếu người Quảng Nam quê mình cứ loanh quanh lẩn quần để ý đến các câu hô thai vui vui ngồ ngộ thì di sản này sẽ không được các miền khác chia sẻ. Chúng ta mãi mãi tự mình khoanh vùng di sản quý báu của tiền nhân. Đó không là điều đáng tiếc hay sao? Do thuộc tính mẫn miệm, tính hay cà rờn, nói lái giỏi, câu chuyện lặp đi lặp lại bốn lần, năm lượt nên khi các anh Quảng Nam này đứng ra làm anh Hiệu, thì người địa phương của anh có một buổi tiệc cười chết bỏ, rất đã. Nếu anh Hiệu này có chút biệt tài nói lái giỏi, có tài nói tục, mà không tự cười trước, anh nói gần gần, anh nói xa xa ba cái chuyện vợ chồng, chuyện gái trai, gặp lứa tuổi mới lớn nữ thập tam, nam thập lục tháp tùng theo mẹ theo chị cùng chơi trong mấy ngày xuân, lúc này bọn trẻ đang vào tuổi yêu nên càng thích tợn. Ngày ấy trong làng ta ai mà đậu được cỡ tú tài cho dù hồng kỳ thi Hương (cử nhân lận lạng) thì đã hiếm rồi. Ngày đó giấy mực đâu có, học viết chữ Tàu dưới đất rồi chùi chùi thay cho tấm bảng. Học một chữ Tàu biết một hai nghĩa thông thường đã là khá lắm, nói gì đến ngữ cảnh của từ. Họ được dân trong làng thán phục lắm, các anh này mà một khi đội Hán; vì s□□ phải đội Hán?, bởi lúc đó chữ Hán là cái cần cầ□ cơm vì vậ□ mà họ hay nói tích Hán, nở dê kêu!. Đó là lý do tại sao thỉnh thoảng các câu hô thai thường có chèn Hán vào đây. Gặp lá bài Bạch Huệ ông ta bèn chèn ngay tuồng Tàu vào đây. Giá mà dân Khu V, đem câu thơ, "*Nhắc chừng, phải*

*gái Liên khu, Nhớ xưa Mộ Đức, mắt Q có ngày!.*" , câu này coi bộ điển tích hay hơn ba cái Đồng Trác, Điều Thuyền nhiều. Mộ Đức là quê hương của PVĐ, nơi đó có một bà chị ghen mờ mắt, bèn nổi giận, nuốt hận giả đồ ngon ngọt rồi phục rượu anh chồng, sau đó trói vào giường rồi cắt phức bằng lá dứa hoang. Hẳn là đau thấu trời xanh! một lần cho tởn!. Đôi anh tú ngày ấy đã biết viết văn biên ngẫu, biết làm thơ, đã biết chèn tuồng tích Tàu. Anh tỏ ra tài tình hay chữ dưới mắt nhiều người. Việc làm của anh ta là đã vô tình phà nọc độc vào văn hóa Việt mà anh ta đâu có hay. Điềm mặt anh này có lá bài Tam Quăn. Quăn là xoắn vào. Xoắn vào cái gì ?, Xoắn là ôm chặt lấy văn hóa Hán tộc qua chữ viết. Đó là bước đầu để trở thành Quan Bờm, Quan Bọm. Vào bậc năm đã là anh ngũ Trọt, bậc sáu là anh lục Trạng, bậc bảy là anh thất Nhọn, bậc tám là anh Bát Bông, bậc chín là anh cửu Thầy. Anh có ăn học chữ Hán mà lư□ m□nh đến bậc Thầ□, thầ□chùa cũng thuộc vào đám ấy. Thầy là người đã từng là quan bờm nay làm mai mối hướng dẫn cách đưa hối lộ cho nạn nhân, dạy cách nhận hối lộ cho các viên quan mới Ngũ ( ngũ ) Trưa, Ngũ Trọt vừa đậu kỳ thi Hương (quan bờm Tứ Cẩng). Vài anh Quanbọm ở bậc đại cao thủ, sau thời gian gom tiền của thiên hạ, nằm ở bậc tám là anh Bát Bông (trong hình vẽ Quan Tham gom cả lư hương của nạn nhân). Anh cửu Thầy có thể là người đã đi tu, hay nay dưới lót áo sòng dưới dạng cư sĩ PG. Đừng ai nghĩ rằng anh ta sám hối, lần này anh a thần Phù dịch kinh sách PG bậy bạ do Tàu ngục tạo, anh thổi luồng thuốc độc vào PG Đại Việt mà anh vốn không mấy am hiểu. Ông Phật úa nần, cao mở máu, dọa tiểu đường, đứng cười hềnh hếch khắp các chùa chiền Nam bộ và Nam Trung bộ là sản phẩm của anh ta. Với tội ác này, Tàu cho anh là người có công, với người Việt anh là kẻ tội đồ. Phụ nữ Đại Việt đánh giá anh là tai họa cho con cháu bà ở vào bậc thang thứ chín, bậc thang tội ác này còn hơn đám quan Bọm Thất Nhọn, Bát Bông kể trên bội phần.

Các anh Hiệu mấn miệng này, nhờ thuộc nhiều ca dao, quen viết văn biên ngẫu, trông mặt mà bắt hình dong, nên đặt lời hô thai có vần điệu lục bát chuẩn hay lục bát biến thể, lục bát ca dao. Lục bát ca dao? là câu lục bát biến thể, nhưng lại là cội ng□òn củ□ lục bát chính q□□; nó bắt vần từ từ□ối ở câ□ thứ nhất với từ thứ ba đếm ngược ở câu thứ hai, bắt luận câu dài ngắn. Anh Hiệu ứng khẩu rất nhanh tại chỗ, ứng ngay với lá bài mà anh ta vừa rút ra. Người nghe thấy ngộ ngộ, tưng tực vui vui, tuy thực tế không đúng với ý của tiền nhân ta khi thiết lập lá bài đó. Tỉ như khi anh Hiệu này gặp lá Bạch huê

thì anh sẽ đĩa ghê lắm. Đứng đài rồi. Anh Hiệu, cho dù đã có cái Tú Tài đâu có biết rằng lá bài Bạch Huệ là lá bài ẩn dụ, chỉ đại nạn thứ nhất (đầu đời) trong mười đại nạn của người phụ nữ Đại Việt thời ấy. Các đại nạn tiếp theo là? \_ ở đại nạn thứ hai là sự bần ra tán vào làm hỏng cuộc hôn nhân của họ. Bành là bành/tách r, t đọc trại là Bánh H; đại nạn thứ b là mng thân làm lẽ người ta (bành/ bánhba), đại nạn thứ tư là gặp anh chồng bạo dâm sức như voi, dái doi, thanh hơn gọi là tứ tượng. Tứ tượng là một đại nạn khác tùy ngữ cảnh theo ý người muốn truyền đạt khôn đại cho con hay cháu gái của mình; Tứ tượng là nh Dái Vời, thềm thì đến, nh chồng cáchón cách□□ nà□ làm hung hục như trâu. Xong, lẩn ra ngủ, ngáy như voi rống. "Nỗi lòng ai có qua cầu mới hay" (K), nhiều chị hãi lắm, có khi họ quá đau đớn mà không dám kêu than sợ buồn lòng con cái, mẹ cha!. Các chị nào được biết đâu là lạc thú trng tình chăn gối như phụ nữ nhà□□□, đó là nỗi khổ thứ tư; Đại nạn thứ năm? là mang thân làm đĩ, tối ngày phơi rún cho đàn ông sờ sờ nắn nắn (Chị Năm Rún) ...vv và vv. Nỗi khổ thứ b? là thất liế; thất là b, đúng r phải gọi là con bẫyLiểu, nhưng phải đổi bậc bẫy thành ra Thất, vì sao? . Thất trong Việt ngữ là mất, liễu là là vẻ đẹp của người phụ nữ, ẻo lả, thướt tha và quyến rũ ... Liễu yếu, vùi hoa dập liễu là các cụm từ thân quen. Thất liễu có nghĩa là người phụ nữ bị đàn ông hiếp khiến họ tiêu đời trinh nữ.... Vậy thì đâu là nỗi khổ tối cao? Tức là nỗi khổ lớn hơn bậc 9, đó phải là nỗi thống khổ thứ 10, lúc này lá bài không còn bậc nữa, mà ta gọi bằng tên. Lá bài nào vậy?. Bạn không là phụ nữ làm sao bạn biết được nỗi thống khổ của họ, khi mà các anh đội Hán, rước ba cái tử vi bói toán vào văn hóa Lạc Việt làm cuộc hôn nhân của họ tan vỡ. Có thân mà không quyết định được tương lai của mình, chuyện hạnh phúc là của chính bản thân mình vậy mà nhà chồng chọn mình làm dâu con, lại giao cho bà đồng, bà bóng phán, "*tứ hành xung!*". Thật là khốn nạn, nỗi khổ này do mục Âm Âm trùm kín mít cái khăn màu đỏ, là hình ảnh ẩn dụ gây ra. Suy cho cùng tất tất đều do các đầu đội Hán hôi hám của các Hán vườn mà ra cả .v.v và v.v ...

Chỉ khi nào đất nước này mọi người đều am hiểu 30 lá bài tới và các lời ẩn dụ của nó thì sự hạnh phúc mới quay về dân tộc ta một cách vững bền. Đó là thông điệp của tiền nhân. Face book là chia sẻ, nay chúng ta dân Trung eo phải chia sẻ cùng với đồng bào mình 30 cái thông điệp ấy.

Mời bạn đọc phần thứ nhất về bộ bài tới do laiquangnam viết trên trang

www.art2all.net trong đó laiquangnam có đôi chút suy nghĩ về lời dạy của tiền nhân mình khi tạo ra bộ bài tới này. Câu chuyện còn rất dài. Tôi nghĩ có khi bạn còn suy nghĩ sắc sảo hơn tôi bởi tôi là anh tài tử, văn chương là chuyện "chơi vui thôi mà".

Thân ái ..

**Laiquangnam**

Nam California.

*Nghĩ về Mẹ trời đang đông bóng ấm*

*Hoa cỏ trong vườn không gió bỗng xôn xao*

( câu thơ của một nữ thi sĩ đang sống tại VN. )